

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1714 /UBND-TP  
V/v hướng dẫn quy trình xây dựng  
văn bản quy phạm pháp luật

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 68/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 68/2019/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, như sau:

**I. Quy trình soạn thảo và ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**Bước 1. Lập đề nghị xây dựng nghị quyết**

1. Đối với dự thảo nghị quyết quy định nội dung tại Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương*)

Trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan tham mưu phải lập đề nghị xây dựng nghị quyết và lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp. Hồ sơ trình đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, gồm: Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết (mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật); Tài liệu khác (nếu có).

2. Đối với dự thảo nghị quyết quy định nội dung tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (*quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*)

Trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan tham mưu phải lập đề nghị xây dựng nghị quyết. Việc lập đề nghị xây dựng nghị quyết phải thực hiện theo đúng quy định từ Điều 112 đến Điều 116 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015. Hồ sơ trình đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020), gồm:

- Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết (mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vấn đề giới và tác động giới của chính sách.

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.
- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.
- Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 116 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và khoản 33 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020);
- Tài liệu khác (nếu có).

**Bước 2. Trình, thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết, phân công soạn thảo nghị quyết** (Khoản 1 Điều 117, Điều 118 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 17, Điều 18 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

1. Cơ quan lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm chính lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc, đề nghị cơ quan lập đề nghị hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề xuất đưa vào chương trình phiên họp gần nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh vào phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp chấp thuận, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có văn bản phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, thời hạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh và giao Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo.

**Bước 3. Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo nghị quyết** (Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Sau khi Đề nghị xây dựng Nghị quyết được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, Sở, Ban, ngành được phân công soạn thảo dự thảo Nghị quyết có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo Nghị quyết theo quy định tại Điều 119 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020*) và tổ chức lấy ý kiến vào dự thảo nghị quyết theo Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó, lưu ý về việc lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết, đăng tải toàn văn dự thảo trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan,

tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

**Bước 4. Gửi Sở Tư pháp thẩm định** (Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020)

Sau khi lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến vào dự thảo nghị quyết, chậm nhất là 20 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định. Hồ sơ đề nghị thẩm định, gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân về dự thảo nghị quyết (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); dự thảo nghị quyết; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Tài liệu khác (nếu có).

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân dự thảo nghị quyết.

**Bước 5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh** (Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020)

Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về dự thảo nghị quyết (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Dự thảo nghị quyết; Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Tài liệu khác (nếu có).

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Bước 6. Thẩm tra dự thảo nghị quyết** (Điều 124 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 38 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020)

Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra bao gồm: Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết (mẫu số 03 Phụ lục V

kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Dự thảo nghị quyết; Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình; ý kiến của Ủy ban nhân dân và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với dự thảo do Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trình; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### **Bước 7. Thông qua dự thảo nghị quyết**

**a) Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự thảo nghị quyết** (Điều 125 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm: Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Dự thảo nghị quyết; Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình; ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo do Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Báo cáo thẩm tra; Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo nghị quyết do cơ quan, tổ chức khác trình; Tài liệu khác (nếu có).

**b) Trình tự xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** (Điều 126 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Việc xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân được tiến hành theo trình tự sau đây:

- Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết thuyết trình dự thảo nghị quyết;
- Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra chủ trì, phối hợp cơ quan, tổ chức trình, Sở Tư pháp giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- Hội đồng nhân dân thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết. Dự thảo nghị quyết được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực nghị quyết.

**Bước 8. Đăng công báo, đưa tin về nghị quyết** (Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được đăng Công báo cấp tỉnh.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai.

Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 07 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kể từ ngày nhận được văn bản.

## **II. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**Bước 1. Lập Đề nghị xây dựng dự thảo quyết định** (Điều 127 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lập đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề nghị xây dựng quyết định phải nêu rõ tên gọi, sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của quyết định, dự kiến thời gian ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo. Đối với quyết định quy định những vấn đề được giao quy định chi tiết, cơ quan đề xuất phải rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp để xác định rõ nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp xem xét kiểm tra việc đề nghị ban hành quyết định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Bước 2. Soạn thảo dự thảo quyết định** (Điều 128 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 39 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có các nhiệm vụ sau đây:

a) Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội ở địa phương; nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và tài liệu có liên quan đến dự thảo quyết định;

b) Xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định;

c) Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới (nếu có);

d) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo quyết định.

**Bước 3. Lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định** (Điều 129 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức có liên quan, như sau:

Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

**Bước 4. Gửi Sở Tư pháp thẩm định** (Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 40 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020)

Chậm nhất là 25 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Sở Tư pháp để thẩm định. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo quyết định (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Dự thảo quyết định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; Tài liệu khác (nếu có).

**Bước 5. Thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**a) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua dự thảo quyết định** (Điều 131 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 41 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020)

Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân tỉnh họp để chuyển đến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh. Hồ sơ dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo quyết định (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Dự thảo quyết định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức,

cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Tài liệu khác (nếu có).

**b) Trình tự xem xét, thông qua dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (Điều 132 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)**

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định. Trong trường hợp dự thảo quyết định được xem xét, thông qua tại phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì theo trình tự sau đây:

- Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết trình dự thảo quyết định;
- Đại diện Sở Tư pháp phát biểu về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình bày ý kiến;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo quyết định. Dự thảo quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biểu quyết tán thành.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay mặt ký quyết định.

**Bước 6. Đăng công báo, đưa tin về quyết định (Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)**

Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được đăng Công báo cấp tỉnh.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai.

Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 07 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kể từ ngày nhận được văn bản.

**III. Quy trình soạn thảo và ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện**

**Bước 1. Soạn thảo dự thảo nghị quyết (Khoản 1 Điều 133 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)**

Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện do Ủy ban nhân dân cùng cấp trình. Căn cứ vào tính chất và nội dung của nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công cơ quan chủ trì soạn thảo. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo nghị quyết (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

**Bước 2. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết (Khoản 2 Điều 133 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)**



Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết.

Cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo nghị quyết. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan, tổ chức lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến, địa chỉ tiếp nhận ý kiến và bảo đảm ít nhất là 07 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo nghị quyết.

**Bước 3. Thẩm định dự thảo nghị quyết** (Điều 134 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 42 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020)

Sau khi lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến vào dự thảo nghị quyết, chậm nhất là 20 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Phòng Tư pháp để thẩm định.

Thời hạn, hồ sơ, nội dung thẩm định và báo cáo thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 121 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

**Bước 4. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện** (Điều 135 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm chỉnh lý và gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thảo luận và biểu quyết về việc trình dự thảo nghị quyết ra Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi tờ trình, dự thảo nghị quyết và các tài liệu có liên quan đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

**Bước 5. Thẩm tra dự thảo nghị quyết** (Điều 136 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện phải được Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm gửi dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra. Hồ sơ, nội dung thẩm tra và báo cáo thẩm tra theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 124 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 38 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra có trách nhiệm gửi báo cáo thẩm tra đến Thường trực Hội đồng nhân dân để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

**Bước 6. Xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết** (Điều 137 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Việc xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân được tiến hành theo trình tự sau đây:

- Đại diện Ủy ban nhân dân thuyết trình dự thảo nghị quyết;
- Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- Hội đồng nhân dân thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết. Dự thảo nghị quyết được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực nghị quyết.

**Bước 7. Niêm yết, đưa tin về nghị quyết** (Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện phải được niêm yết công khai và phải được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Thời gian và địa điểm niêm yết công khai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai.

**IV. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

**Bước 1. Soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện** (khoản 1 Điều 138 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phân công và trực tiếp chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân soạn thảo. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

**Bước 2. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định** (Khoản 2 Điều 138 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định.

Cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo quyết định.

Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 07 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo quyết định.

**Bước 3. Thẩm định dự thảo quyết định** (Điều 139 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 43 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020)

Chậm nhất là 20 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Phòng Tư pháp để thẩm định. Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân về dự thảo quyết định (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Dự thảo quyết định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; Tài liệu khác (nếu có).

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo quyết định, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Phòng Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân dự thảo quyết định.

**Bước 4. Xem xét, thông qua dự thảo quyết định** (Điều 140, Điều 141 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Cơ quan soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân họp để chuyển đến các thành viên Ủy ban nhân dân. Hồ sơ dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, bao gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân về dự thảo quyết định (mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP); Dự thảo quyết định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý; Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Tài liệu khác (nếu có)

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định. Trong trường hợp xem xét, thông qua dự thảo quyết định tại phiên họp Ủy ban nhân dân thì được tiến hành theo trình tự sau đây:

- Đại diện cơ quan soạn thảo trình bày dự thảo quyết định;
- Đại diện Phòng Tư pháp phát biểu về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- Ủy ban nhân dân thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo quyết định. Dự thảo quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân biểu quyết tán thành.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thay mặt ký ban hành quyết định.

**Bước 5. Niêm yết, đưa tin về quyết định** (Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)

Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải được niêm yết công khai và phải được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Thời gian và địa điểm niêm yết công khai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai.

Để đảm bảo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu VT, TP.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**